

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

1

Báo cáo Kiểm toán độc lập

2-3

Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)**

Ban chấp hành: Báo cáo Tài chính

8 - 16



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng thành viên Công ty trong năm:

Ông Nguyễn Đức Bày Chủ tịch

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Mạnh Hà Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hương Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Nghệ An, ngày 08 tháng 02 năm 2018

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



ĐÀO MẠNH HÀ

Số : *19C*.../2018/BC.KITTC- NEXIA-APS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI được lập ngày 08 tháng 02 năm 2018, từ trang 4 đến trang 16, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2018

**CÔNG TY TNHH NEXIA STT
CHI NHÁNH AN PHÁT**



Trần Thị Hường

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1420-2018-225-1

Kiểm toán viên

Võ Công Quyết

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4038-2017-225-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.273.532.471	13.730.256.775
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.209.537.942	5.279.476.096
111	1 Tiền		4.209.537.942	5.279.476.096
112	2 Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.000.000.000	3.000.000.000
123	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.000.000.000	3.000.000.000
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		2.035.602.663	5.280.026.295
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.929.071.447	5.193.247.081
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		40.000.000	45.000.000
136	3 Phải thu ngắn hạn khác	6	66.531.216	41.779.214
140	IV Hàng tồn kho		17.181.145	8.835.901
141	1 Hàng tồn kho	7	17.181.145	8.835.901
150	V Tài sản ngắn hạn khác		11.210.721	161.918.483
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	8	11.210.721	161.918.483
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		5.356.613.538	6.437.184.481
210	I Các khoản phải thu dài hạn			
220	II Tài sản cố định		5.233.240.038	6.194.300.038
221	1 Tài sản cố định hữu hình	9	5.233.240.038	6.194.300.038
222	<i>Nguyên giá</i>		<i>12.187.260.438</i>	<i>12.187.260.438</i>
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		<i>(6.954.020.400)</i>	<i>(5.992.960.400)</i>
230	III Bất động sản đầu tư			
240	IV Tài sản dở dang dài hạn		117.396.364	
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	117.396.364	
250	V Đầu tư tài chính dài hạn	4		
260	VI Tài sản dài hạn khác		5.977.136	242.884.443
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	8	5.977.136	242.884.443
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.630.146.009	20.167.441.256



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		<u>9.563.317.387</u>	<u>6.522.145.601</u>
310	I Nợ ngắn hạn		9.563.317.387	6.522.145.601
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	11	240.677.000	140.346.000
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn		263.124.882	
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	545.897.619	2.021.003.333
314	4 Phải trả người lao động		2.811.400.000	2.135.600.000
319	5 Phải trả ngắn hạn khác	13	2.879.253.451	984.187.333
322	6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.822.964.435	1.241.008.935
330	II Nợ dài hạn			
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>16.066.828.622</u>	<u>13.645.295.655</u>
410	I Vốn chủ sở hữu	14	16.066.828.622	13.645.295.655
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu		16.066.828.622	11.700.000.000
418	2 Quỹ đầu tư phát triển			1.945.295.655
430	II Nguồn kinh phí và các quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>25.630.146.009</u>	<u>20.167.441.256</u>

Người lập

Dương Thị Minh Thanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Minh Thanh

Nghệ An, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Đào Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.708.478.574	17.452.066.584
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	31.708.478.574	17.452.066.584
11	4 Giá vốn hàng bán	17	13.289.114.611	9.346.502.951
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.419.363.963	8.105.563.633
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	18	393.956.225	292.176.939
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	8.723.583.301	6.681.341.233
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.089.736.887	1.716.399.339
40	13 Lợi nhuận khác			
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.089.736.887	1.716.399.339
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	2.017.960.329	343.325.001
60	17 Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.071.776.558	1.373.074.338

Người lập

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Giám đốc

Dương Thị Minh Thanh

Dương Thị Minh Thanh

Đào Mạnh Hà



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		36.524.058.045	16.514.772.571
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(7.455.835.228)	(4.804.939.468)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(13.396.403.691)	(8.400.196.898)
05	4 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.156.433.312)	(3.933.567)
06	5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		27.592.071	21.853.685.593
07	6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.834.762.226)	(25.780.129.527)
08	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>9.708.215.659</i>	<i>(620.741.296)</i>
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(117.396.364)	
23	2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(13.000.000.000)
24	3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			10.000.000.000
27	4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		339.242.551	279.712.187
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(4.778.153.813)</i>	<i>(2.720.287.813)</i>
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.930.061.846	(3.341.029.109)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.279.476.096	8.620.440.453
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			64.752
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	10.209.537.942	5.279.476.096

Người lập

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Giám đốc

Dương Thị Minh Thanh

Dương Thị Minh Thanh

Đào Mạnh Hà



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI được chuyển đổi từ Công ty Hoa tiêu khu vực VI theo Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 2900910823 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 41, đường Đinh Công Trứ, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Chủ sở hữu: Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc; Mã số doanh nghiệp: 0200640769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 03 tháng 08 năm 2010; Địa chỉ: Số 01, lô 11A, đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 17.738.062.627 đồng.

Vốn pháp định của Công ty là: 6.000.000.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Hà, sinh ngày 02 tháng 05 năm 1973, quốc tịch Việt Nam; CMND số 181871322 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 17 tháng 11 năm 2007; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 3 phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; chức danh: Giám đốc Công ty.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động môi giới thuê tàu biển);
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Đào tạo nghề và huấn luyện hoa tiêu hàng hải);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ, cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, hỗ trợ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng và phương tiện nổi)

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



2.3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng kể từ ngày đầu tư.

2.6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 24 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 09 năm

2.9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

039
ONG
NH
IA S
NH
PH
Ồ H

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Thông tư số 219/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm

2.14. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được quy định tại Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải, có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2017 và Quyết định số 276/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 31 tháng 12 năm 2016, ban hành Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Giám đốc Công ty hoa tiêu hàng hải khu vực VI.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Theo đó:

- Tổng Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc là chủ sở hữu Công ty, được coi là bên liên quan của Công ty.
- Viên chức quản lý bao gồm Chủ tịch, thành viên trong Ban giám đốc và Kế toán trưởng được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 23 trang 16.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	732.763.588	354.910.139
Tiền gửi không kỳ hạn	3.476.774.354	4.924.565.957
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	
Cộng	<u>10.209.537.942</u>	<u>5.279.476.096</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>8.000.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a. Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

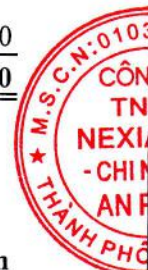
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc CN Công Ty TNHH Hoyer Transpor Việt Nam - Tại Hà Tĩnh	378.818.162	89.674.537
Công Ty TNHH DV Vận Tải Biển Vũng Áng CN Công Ty CP Đại Lý Hàng Hải Việt Nam - Đại Lý Hàng Hải Bến Thủy	346.766.911	95.414.940
Các đối tượng khác	358.697.045	267.316.125
Cộng	<u>1.929.071.447</u>	<u>5.193.247.081</u>

b. Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc		4.227.985.331
Cộng		<u>4.227.985.331</u>

6 . PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	54.500.000		12.400.000	
Tạm ứng	12.031.216		29.379.214	
Cộng	<u>66.531.216</u>		<u>41.779.214</u>	



7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.181.145		8.835.901	
Cộng	<u>17.181.145</u>		<u>8.835.901</u>	

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	11.210.721	161.918.483
Chi phí bảo hiểm	11.210.721	15.391.359
Chi phí sửa chữa		146.527.124
b. Dài hạn	5.977.136	242.884.443
Chi phí sửa chữa		187.715.673
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.365.136	44.532.770
Chi phí trả trước khác	4.612.000	10.636.000
Cộng	<u>17.187.857</u>	<u>404.802.926</u>

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.463.353.389	5.723.907.049	12.187.260.438
Số dư cuối năm	<u>6.463.353.389</u>	<u>5.723.907.049</u>	<u>12.187.260.438</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.981.560.000	4.011.400.400	5.992.960.400
Khấu hao trong năm	315.360.000	645.700.000	961.060.000
Số dư cuối năm	<u>2.296.920.000</u>	<u>4.657.100.400</u>	<u>6.954.020.400</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.481.793.389	1.712.506.649	6.194.300.038
Tại ngày cuối năm	<u>4.166.433.389</u>	<u>1.066.806.649</u>	<u>5.233.240.038</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 1.176.500.400

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đóng 1 tàu đưa đón hoa tiêu	117.396.364	
Cộng	<u>117.396.364</u>	



11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công Ty CP Cảng Quốc Tế Lào - Việt	33.110.000	33.110.000		
Nguyễn Thị Hương	63.000.000	63.000.000	66.490.000	66.490.000
Nguyễn Văn Thắng	95.160.000	95.160.000	54.600.000	54.600.000
Trần Thị Hồng	11.500.000	11.500.000	10.500.000	10.500.000
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc	8.756.000	8.756.000	8.756.000	8.756.000
Đối tượng khác	29.151.000	29.151.000		
Cộng	240.677.000	240.677.000	140.346.000	140.346.000

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc	8.756.000	8.756.000	8.756.000	8.756.000
Cộng	8.756.000	8.756.000	8.756.000	8.756.000

002 * NG

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	612.704.337	717.998.105	1.125.905.865	204.796.577
Thuế TNDN	343.325.001	2.017.960.329	2.156.433.312	204.852.018
Thuế thu nhập cá nhân	50.218.307	671.633.096	585.602.379	136.249.024
Thuế nhà đất		45.335.152	45.335.152	
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
Các loại thuế khác		988.552	988.552	
Phí, lệ phí	1.014.755.688	965.261.750	1.980.017.438	
Cộng	2.021.003.333	4.422.176.984	5.897.282.698	545.897.619

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	6.414.995	7.370.490
Phí hoa tiêu chưa thu được	214.644.865	965.261.750
Lãi tiền gửi TK thu phí hoa tiêu phải nộp nhà nước		11.555.093
Phải trả Tổng Công ty Bảo đảm ATHH Miền Bắc	2.658.193.591	
Cộng	2.879.253.451	984.187.333

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa pp	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	11.700.000.000	1.533.373.354		13.233.373.354
Lãi/(lỗ) trong năm trước			1.373.074.338	1.373.074.338
Phân phối lợi nhuận		411.922.301	(1.373.074.338)	(961.152.037)
Số dư đầu năm nay	11.700.000.000	1.945.295.655		13.645.295.655
Lãi/(lỗ) trong năm nay			8.071.776.558	8.071.776.558
Chuyển nguồn vốn	4.366.828.622	(4.366.828.622)		
Phân phối lợi nhuận		2.421.532.967	(8.071.776.558)	(5.650.243.591)
Số dư cuối năm nay	16.066.828.622			16.066.828.622

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Thực hiện đến 31/12/2017	
	VND	%	VND	%
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc	17.738.062.627	100%	16.066.828.622	91%
	17.738.062.627	100%	16.066.828.622	91%

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương	Nguyên tệ	Tương đương
		VND		VND
USD	242,24	5.498.803	255,26	5.798.231

16 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.708.478.574	17.452.066.584
Cộng	31.708.478.574	17.452.066.584

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	13.289.114.611	9.346.502.951
Cộng	13.289.114.611	9.346.502.951

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi và cho vay	393.742.551	292.112.187
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	213.674	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm khoản mục tiền gửi ngân hàng		64.752
Cộng	393.956.225	292.176.939

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn	6.060.209.979	4.946.485.235
Chi phí khấu hao	108.000.000	108.000.000
Chi phí quản lý khác	2.555.373.322	1.626.855.998
Cộng	8.723.583.301	6.681.341.233



20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.031.602.071	1.353.983.905
Chi phí nhân công	14.617.872.127	10.426.783.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	961.060.000	977.760.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.400.152.948	2.712.925.950
Chi phí khác bằng tiền	1.002.010.766	556.390.388
Cộng	22.012.697.912	16.027.844.184

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.089.736.887	1.716.399.339
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm		
Lãi/(lỗ) CLTG cuối kỳ khoản mục tiền năm trước	64.752	290.414
(Lãi)/lỗ CLTG cuối kỳ khoản mục tiền năm nay		(64.752)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.089.801.639	1.716.625.001
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	2.017.960.329	343.325.001
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.017.960.329	343.325.001

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng		17.452.066.584
Mua hàng		8.756.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc		
Phải thu		4.227.985.331
Phải trả	2.666.949.591	8.756.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của viên chức quản lý	1.219.756.235	1.599.614.596

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra quyết toán thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2016 tại ngày 15/09/2017. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

a. Bảng cân đối kế toán

	Số đầu năm Phân loại lại VND	Số đầu năm Theo BC trước phân loại VND
Phải thu khách hàng (i)	5.193.247.081	5.456.371.963
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (ii)	2.021.003.333	2.073.628.309
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	1.241.008.935	1.388.358.869
Quỹ đầu tư phát triển (iii)	1.945.295.655	2.008.445.627

b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

	Năm nay Phân loại lại VND	Năm trước Theo BC trước phân loại VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (i)	17.452.066.584	17.715.191.466
Chi phí thuế TNDN hiện hành (ii)	343.325.001	395.949.977

Một số điều chỉnh chủ yếu như sau:

- (i) Điều chỉnh giảm do quyết toán vượt đơn giá tối đa được duyệt.
- (ii) Điều chỉnh giảm số thuế TNDN phải nộp tương ứng với doanh thu điều chỉnh giảm.
- (iii) Phân phối lại lợi nhuận.

Nghệ An, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Dương Thị Minh Thanh

Dương Thị Minh Thanh

Đào Mạnh Hà

